

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 339/2007/TLST-DS ngày 25/5/2007 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Dạ M, sinh năm 1980.

Địa chỉ: phường T, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số công chứng 003599, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2013 tại Văn phòng Công chứng Tân Tạo, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1946.

Địa chỉ: phường U, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1969.

Có cùng địa chỉ với bị đơn (Văn bản ủy quyền số công chứng 728, quyển số 03/TP/CC-CT/HĐDS ngày 09/7/2007 tại UBND Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Minh Th, thuộc Công ty luật TNHH V - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1940.

Địa chỉ: P.Herresa St Pateros Metro Manila Philippines.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N có địa chỉ trên.

2. Bà Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1938, chết năm 1982). Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

2.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc T3, sinh năm 1960.

2.2. Bà Nguyễn Thị Anh T4, sinh năm 1967.

2.3. Ông Nguyễn Kinh D, sinh năm 1969.

2.4. Ông Nguyễn Kinh T5, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của: Bà T3, bà T4, ông D, ông T5 là bà Nguyễn Thị Ngọc T có địa chỉ trên (Văn bản ủy quyền cùng ngày 01/12/2006 tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An).

3. Ông Nguyễn Ngọc T6 (sinh năm 1945, chết tháng 3/1995). Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

3.1. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1949

3.2. Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1971

3.3. Bà Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 1976

3.4. Bà Nguyễn Thị Mỹ L2, sinh năm 1978

3.5. Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1982

3.6. Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1991

3.7. Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của: Ông P, bà L1, bà L2, bà N, bà H1, ông Q là: Bà Nguyễn Thị O có địa chỉ trên (Văn bản ủy quyền số 163, quyển số 1, ngày 29/5/2018 tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Long An).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1] Tất cả các đương sự nêu trên đều thống nhất cách giải quyết vụ án, phân chia di sản của ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị N là nhà, đất căn nhà số 1224 Phường U, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh theo pháp luật thừa kế như sau:

Bà Nguyễn Thị N được quyền sở hữu toàn bộ nhà, đất căn nhà số Phường U, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà N có trách nhiệm thanh toán cho chi của bà Nguyễn Thị T có bà Nguyễn Thị Ngọc T đại diện nhận số tiền 650.000.000 đồng và thanh toán cho chi của ông Nguyễn Văn T1 có bà Nguyễn Thị O đại diện nhận số tiền 650.000.000 đồng và cho bà Nguyễn Thị B số tiền 650.000.000 đồng có bà Nguyễn Thị N đại diện nhận.

[2] Về phương thức giao tiền như sau: Ngay sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật thì bà N thanh toán cho chi của bà T2 và chi của ông T6 mỗi chi 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Và, đến ngày 15 tháng 5 năm 2019 thì bà N thanh toán hết cho chi của bà T và chi của ông T6 số tiền còn lại của mỗi chi là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng), chi của bà T2 có bà T đại diện nhận và chi của ông T6 có bà O đại diện nhận.

Ngay sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật thì bà Nguyễn Thị N được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất căn nhà số 1224 Phường U, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh nêu trên.

[3] Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

[4] Chi phí đo vẽ và các chi phí khác nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

[5] Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật, cụ thể: Bà T, bà O mỗi người chịu 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng); bà N và bà B được miễn thu (theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14). Số tiền án phí của bà T được khấu trừ vào số tiền bà T đã đóng tạm ứng án phí 3.500.000 đồng theo biên lai thu ký hiệu AA/05, quyển số 004833 ngày 16/4/2007 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T còn phải nộp án phí là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;

THẨM PHÁN

- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Chí Cao